

Hà Giang, ngày 12 tháng 07 năm 2021

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về nhu cầu mua sắm Monitor theo dõi sản khoa và
Monitor theo dõi bệnh nhân**

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Công văn số 5888/BYT-TB-CT ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư số 14/2020/TT-BYT;

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang thực hiện công khai thông tin về nhu cầu mua sắm trang thiết bị y tế theo danh mục chi tiết kèm theo thông báo này hoặc chủng loại tương đương mà cơ sở kinh doanh trang thiết bị y tế các bạn đang cung cấp, theo các nội dung sau:

+ Chủng loại, cấu hình, tính năng kỹ thuật mà đơn vị đang cung cấp giống như danh mục đính kèm thông báo này hoặc tương đương;

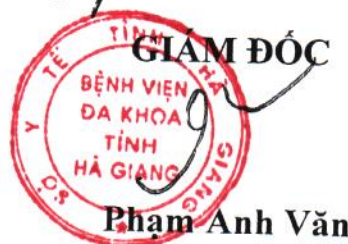
+ Nhóm cụ thể của từng chủng loại;

+ Giá cụ thể của từng chủng loại.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang kính mong các cơ sở kinh doanh trang thiết bị y tế quan tâm, cung cấp thông tin với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang trước ngày 16 tháng 7 năm 2021 theo địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang - tổ 10, phường Minh Khai, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang hoặc email: benhvienthg@gmail.com. Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh Hà Giang;
- Phòng Vật tư & TBYT;
- Phòng Tài chính kế toán;
- Lưu: VT, TCGĐT.



Phụ lục Trang thiết bị y tế mua sắm
(Kèm theo Thông báo số 49/TB-BV, ngày 12 tháng 7 năm 2021)

Stt	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
1	1. Thông tin chung Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng - Model: MT-610 - Hãng sản xuất: TOITU 2. Tính năng kỹ thuật - Đo nhịp tim thai FHR: + Cách đo FHR: Hệ thống siêu âm doppler 2 kênh + Kỹ thuật đo FHR: doppler xung và xử lý tương quan tự động + Dải đếm FHR: 50 - 240 nhịp/phút + Chức năng báo động: Người sử dụng lựa chọn ngưỡng báo động FHR cao và thấp, và thời gian trì hoãn - Đo chuyển động thai nhi (FM) + Kỹ thuật đo FM: đo tự động bằng hệ thống siêu âm doppler (2 kênh) + Phương pháp in: in đồ thị, in chấm - Đo độ co bóp tử cung (UC) + Phương pháp đo UC: Đo ngoài (đồng hồ đo độ căng) + Dải đo: 0-100 - Âm thanh theo dõi FHR + Âm thanh Doppler - Hiển thị + Màn hình: Màn hình LCD màu TFT, cảm ứng + Kích thước: 7 inch	Nhật Bản	Chiếc	2

Stt	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Thông tin hiển thị: CTG (biểu đồ điện tim), thông số các phép đo của bà mẹ/ thai nhi, trạng thái thiết bị, các cài đặt - Máy in + Phương pháp in: in nhiệt (8 chấm/min) + Độ rộng khổ in: 80mm FHR (50-210 bpm) hoặc 70mm (30-240bpm), UC 40 mm + Nội dung in: năm/ tháng/ ngày/ giờ/ phút và cách đo, nhân thời gian, nhịp tim, chuyển động thai nhi, UC, chu kỳ UC, đánh dấu dịch chuyển thai nhi bằng tay, đánh dấu dịch chuyển thai nhi tự động, Đánh dấu kích thích VAS, đánh dấu cài đặt về 0 cho UC, đánh dấu đo sai cho FHR + Tốc độ in: 10mm/ phút, 20 mm/phút, 30mm/phút, 1500mm/ phút (cho tốc độ in cao) + Nguồn điện: AC 100-240V, 30-37VA theo yêu cầu, 50/60 Hz, + Thời gian sử dụng ắc qui: 30 phút (sau khi sạc đầy) + Kích thước: 250 (W) x 265 (H) x 205 (D)mm + Trọng lượng: 4.0 kg (không bao gồm phụ kiện) * Phụ kiện chuẩn: - Đầu đo (DOP/UC) chữ Y TR-687-06 - Dai cuốn - Điều khiển đánh dấu từ xa (cho thai đơn) SW-527-01 - Giấy in - Gel siêu âm - Dây nguồn - Rò đựng phụ kiện			
	1. Thông tin chung Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số - người lớn Model/Ký mã hiệu: Efficia CM120 Hãng sản xuất: Philips	Trung Quốc	Chiếc	4

Stt	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	Năm sản xuất: 2021 * Cấu hình, thiết bị a) Máy theo dõi bệnh nhân 7 thông số: 01 máy b) Bộ phụ kiện tiêu chuẩn dành cho người lớn, bao gồm: - Bộ phụ kiện đo điện tim và nhịp thở: 01 bộ - Bộ phụ kiện đo nhiệt độ: 01 chiếc - Cáp và bao đo huyết áp không xâm lấn cho người lớn dùng nhiều lần: 01 bộ - Bộ phụ kiện đo SpO2 cho người lớn dùng nhiều lần: 01 chiếc - Bộ phụ kiện đo huyết áp xâm lấn (mua tại Việt Nam): 01 bộ - Bộ phụ kiện đo EtCO2, bao gồm: + Cảm biến đo EtCO2 Mainstream: 01 chiếc + Adaptor đo EtCO2 cho người lớn/trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 chiếc c) Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ d) Xe đẩy máy: 01 chiếc 2. Tính năng kỹ thuật - Monitor theo dõi bệnh nhân Efficia hỗ trợ nhân viên y tế trong việc theo dõi, phân tích, ghi chép và báo động các thông số khác nhau - Phù hợp sử dụng với các đối tượng bệnh nhân người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh - Có khả năng hỗ trợ vận chuyển bệnh nhân trong hệ thống chăm sóc y tế - Có khả năng nhận biết và đưa ra cảnh báo về tình trạng nguy hiểm của bệnh nhân dưới dạng âm thanh và hình ảnh - Lưu trữ giản đồ thông tin lâm sàng của bệnh nhân lên tới 240 giờ - Lưu trữ chi tiết chỉ số lâm sàng của bệnh nhân lên tới 48 giờ - Theo dõi 7 thông số: ECG, RESP, SpO2, NIBP, nhiệt độ, IBP, EtCO2 - Có chức năng tạo giản đồ mạng nhận theo dõi ST Map			
2				

Stt	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	- Có 3 chế độ profile với cấu hình cài đặt mặc định cho: phòng mổ (OR), phòng bệnh thông thường (GW), phòng hồi sức tích cực (ICU) * Chỉ tiêu kỹ thuật a) Màn hình: - Màn hình cảm ứng LCD - Kích thước 12.1 inch - Độ phân giải: 1280 x 800 - Góc nhìn nghiêng: $\pm 15^\circ$ b) Pin: - Sử dụng pin thông minh Lithium ion - Điện áp: 10.8 V - Thời lượng sử dụng pin tối đa (trong điều kiện pin mới, sạc đầy, đo các thông số ECG, SpO2 và đo huyết áp NBP cách 15 phút): lên tới 6 tiếng - Thời lượng sạc pin lên trên 90%: < 5 tiếng (trong khi đang đo ECG, SpO2 và đo huyết áp NBP cách 15 phút) c) Thông số đo điện tim (ECG) - Dải đo nhịp tim: + Người lớn: 15 nhịp/phút – 300 nhịp/phút + Trẻ em: 15 nhịp/phút – 350 nhịp/phút - Độ vi sai: $\pm 1\%$ hoặc ± 1 nhịp/phút tùy giá trị lớn hơn - Độ phân giải: 1 nhịp/phút - Bảng thông: + Điều kiện thông thường: 0.67 Hz - 40 Hz + Chế độ lọc: 0.67 Hz - 20 Hz + Chế độ chẩn đoán: 0.05 Hz - 100 Hz			

Stt	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	- Có 3 tốc độ quét: 12.5 mm/s, 25.0 mm/s và 50.0 mm/s; vi sai $\leq 10\%$ - Có hiển thị máy tạo nhịp trên biểu đồ sóng, người dùng có thể lựa chọn có/không máy tạo nhịp - Độ nhạy có thể lựa chọn trong khoảng: 4.0, 2.0, 1.0, 0.5, 0.25 cm/mV hoặc tự động - Phát hiện và thông báo được điện cực tụt - Dải tín hiệu đầu vào: ± 5 mV - Hệ số chống nhiễu đồng pha (CMRR): > 86 dB - Điện trở đầu vào: > 2.5 MΩ d) Loạn nhịp ECG: - Dạng sóng kích thích hô hấp: < 250 μA, 37 kHz danh nghĩa - Thời gian báo động ngưng tim, nhịp tim thấp, nhịp tim cao: < 10 giây - Thời gian cảnh báo nhịp nhanh: < 5 giây - Khả năng từ chối sóng T cao: - Người lớn/trẻ em: từ 0 đến 1.8 mV - Trẻ sơ sinh: từ 0 đến 0.6 mV - Có 3 phương pháp tính nhịp tim trung bình khác nhau: - Đo khoảng R-R trong 12 nhịp gần nhất - Ngoài tâm thu thất: đo khoảng R-R trong 8 nhịp Nếu 3 khoảng nhịp R-R liên tục lớn hơn 1200ms, đo 4 khoảng R-R gần nhất. Thời gian đáp ứng máy đo nhịp để thay đổi nhịp tim: + Thay đổi từ 80 bpm đến 120 bpm: ≤ 10 giây + Thay đổi từ 80 bpm đến 40 bpm: ≤ 10 giây Loại bỏ xung tạo nhịp: ± 2 đến ± 700 mV Thông số nhịp thở Phương pháp đo trở kháng xuyên ngực Dải đo: 3 - 150 nhịp/phút			

Stt	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	Độ phân giải: 1 nhịp/phút Độ vi sai: ± 1 nhịp/phút (trong dải 3-120 nhịp/phút) ± 2 nhịp/phút (trong dải 121-150 nhịp/phút) Dạng sóng kích thích hô hấp: < 250 μA, 37 kHz danh nghĩa Điện cực ECG sử dụng: RA-LL Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25, 50 mm/giây Bảo động khi điện cực không nối Thông số đo độ bão hòa oxy trong máu (SpO2) Dải đo SpO2: 0 - 100% Độ phân giải SpO2: 1% Dải đo nhịp mạch: 30 - 300 nhịp/phút Độ phân giải nhịp mạch: 1 nhịp/phút Độ chính xác nhịp mạch: 2% hoặc 1 nhịp/phút Thông số đo huyết áp không xâm lấn (NIBP) Phương pháp đo: Dao động kế, xả áp theo bước Dải đo: Dải đo người lớn: Tâm thu: 30 mmHg - 270 mmHg Tâm trương: 10 mmHg - 245 mmHg Trung bình: 20 mmHg - 255 mmHg Dải đo trẻ em: Tâm thu: 30 mmHg - 180 mmHg Tâm trương: 10 mmHg - 150 mmHg Trung bình: 20 mmHg - 160 mmHg			



Stt	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	Dải đo trẻ sơ sinh: Tâm thu: 30 mmHg - 130 mmHg Tâm trương: 10 mmHg - 100 mmHg Trung bình: 20 mmHg - 120 mmHg Độ chính xác huyết áp: Độ lệch chuẩn tối đa: ≤ 8 mmHg Sai số có ý nghĩa tối đa: ± 5 mmHg Dải nhịp mạch: 40 - 300 nhịp/phút Ví sai khi đo nhịp mạch: Trong dải 40 - 100 nhịp/phút: ± 5 nhịp/phút Trong dải 101 - 200 nhịp/phút: $\pm 5\%$ Trong dải 201 - 300 nhịp/phút: $\pm 10\%$ Thời gian lặp lại ở chế độ đo tự động: 1, 2, 3, 5, 10, 15, 30, 60, 90 hoặc 120 phút, và STAT Thông số nhiệt độ Tâm đo: 25°C đến 45°C Sai số: từ ± 0.2 độ C đến ± 0.1 độ C tùy vào loại cảm biến Thời gian đáp ứng làm nóng và tản nhiệt: ≤ 150 giây Đo huyết áp xâm lấn Số kênh đo: 2 kênh Tâm đo: - 40 đến 360 mmHg Độ nhảy đầu vào: 5uV/V/mmHg Hiệu chỉnh Zero: + Độ rộng: lên đến ± 200 mmHg + Sai số: ± 1 mmHg Đạt được độ chính xác:			

Stt	Thông số kỹ thuật hàng hóa	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Độ chính xác: $\pm 1\%$ + Độ xê dịch: nhỏ hơn $0,05\%/^{\circ}\text{C}$ Độ chính xác tổng thể (bao gồm đầu dò): $\pm 4\text{ mmHg}$ hoặc $\pm 4\%$ Thời gian làm nóng thiết bị và đầu dò: < 15 giây Nồng độ CO_2 cuối kì thở ra (EtCO_2) Dải đo EtCO_2: $0 - 150\text{ mmHg}$ Dải đo imCO_2: $3 - 50\text{ mmHg}$ Tốc độ lấy mẫu dữ liệu: 20 mẫu/giây Độ phân giải dạng sóng CO_2: 0.1 mmHg Độ phân giải hiển thị số (etCO_2 và imCO_2): 1 mmHg Thời gian khởi động (Thể hiện toàn bộ thông số EtCO_2 sau khi làm ấm): < 2 phút Thời gian đáp ứng: < 2 giây Độ chính xác (nhiệt độ khí gas 35°C) + Trong dải $0 - 40\text{ mmHg}$: $\pm 2\text{ mmHg}$ + Trong dải $41 - 70\text{ mmHg}$: $\pm 5\%$ + Trong dải $71 - 100\text{ mmHg}$: $\pm 8\%$ + Trong dải $101 - 150\text{ mmHg}$: $\pm 10\%$ Dải nhịp thở: $0 - 150$ nhịp/phút Độ chính xác nhịp thở: ± 1 nhịp/phút Độ xê dịch: Thời gian ngắn (4 giờ sử dụng): không vượt quá 0.8 mmHg Thời gian dài (120 giờ): duy trì thông số sai số			